TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/DS-ST.
Ngày: 05/7/2023.
V/v: "T/c hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ – TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn L

2. Bà Phạm Hồng G

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Phạm Thành N** – Thư ký TAND huyện Hòn Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày 18/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST-DS ngày 31/5/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 14/TB-TA ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M.**

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông **Nguyễn Văn M,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn H,** sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1976 (vợ ông H).

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1979 (vợ ông M).

Địa chỉ: ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

(Ông M, ông H có mặt, bà T vắng mặt, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hộ kinh doanh cá thể là ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Vào ngày 13/01/2022 phía ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T. Địa chỉ: kinh 15 ấp Hòa Tiến, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M do tôi làm chủ để mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu và một số vật tư nông nghiệp với số tiền là 138.288.000 đồng.

Phía cửa hàng của tôi đã giao đủ số lượng vật tư nông nghiệp cho phía gia đình ông H, bà T. Khi mua bán hai bên có làm hợp đồng mua vật tư nông nghiệp đề ngày 13/01/2022. Theo nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết vào ngày 13/01/2022 thì phía ông H, bà T sẽ thanh toán cho bên tôi số tiền nêu trên là 138.288.000 đồng trong thời hạn 04 tháng, nếu quá thời hạn 04 tháng kể từ ngày 13/5/2022 phía ông H và bà T không trả số tiền gốc nêu trên thì sẽ trả lãi cho tôi với số tiền lãi là 2,5% trên tổng số nợ gốc.

Tuy nhiên hết thời hạn 04 tháng tính từ ngày 13/5/2022 cho đến nay thì phía bên ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T vẫn cố tình không thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp này và cũng không thanh toán lãi cho tôi theo như hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp đã ký kết giữa các bên, mặc dù tôi đã nhiều lần liên hệ phía ông H, bà T để yêu cầu có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho tôi, nhưng phía ông H, bà T cố tình trốn tránh trách nhiệm thanh toán nợ.

Tại phiên tòa hôm nay ông M yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông M số tiền gốc còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 138.288.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2022 đến ngày 05/7/2023 (làm tròn 17 tháng). Cụ thể tiền lãi như sau: 138.288.000 đồng x 17 tháng x 1,5%/tháng = 35.263.000 đồng.

Tổng cộng ông M yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả cho ông M số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi là 173.551.000 đồng (trong đó tiền gốc là 138.288.000 đồng, tiền lãi là 35.263.000 đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận trước đây vợ chồng tôi có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M làm chủ để mua phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần với hình thức trả gối đầu theo mùa về để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 22/01/2022 thì tôi còn thiếu của cửa hàng ông Nguyễn Văn M số tiền vật tư nông nghiệp là 138.288.000 đồng đến nay vẫn chưa có trả cho ông Nguyễn Văn M.

Nay ông Nguyễn Văn M khởi kiện số tiền vật tư nông nghiệp số tiền gốc là 138.288.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 13/01/2022 đến ngày 05/7/2023 là 35.263.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 173.551.000 đồng thì tôi đồng ý trả số tiền gốc và lãi cho phía ông M; nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả mỗi năm là 20.000.000 đồng trả đến khi nào hết số nợ trên.

Vợ tôi là bà Trương Thị T đã nhận đầy đủ thông báo thụ lý và các thông báo mời giải quyết vụ án của Tòa án. Tuy nhiên do vợ tôi bận công việc nên không tham dự các buổi làm việc tại tòa án được, vợ tôi biết việc mua phân bón, vật tư nông nghiệp này về để phục vụ cho mục đích sinh hoạt, làm ăn trong gia đình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho phía bà Trương Thị T. Phía ông Phạm Văn H đã nhận thay cho phía bà T và có thông báo cho phía bà T về Tòa án để làm việc nhưng tại phiên tòa hôm nay phía bà T vẫn không về tham dự phiên tòa và vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày như sau:*

Tôi và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay chồng tôi là ông Nguyễn Văn M khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc phía ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả cho chồng tôi số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền này chúng tôi là vợ chồng thì chúng tôi tự sắp xếp với nhau, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, tôi cũng không có yêu cầu độc lập. Ý kiến của chồng tôi tại phiên tòa như thế nào thì tôi cũng đồng ý, tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời do bận công việc mua bán,

không có thời gian đi lại nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm của vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả cho cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông M số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và lãi là 173.551.000 đồng. Ông H và bà T cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Mỹ X đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào năm 2022 ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M làm chủ để mua vật tư nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp trong gia đình nhiều lần. Hai bên có làm hợp đồng mua vật tư nông nông nghiệp thể hiện phía gia đình ông Phạm Văn H có mua vật tư nông nghiệp vào ngày 13/01/2022 với số tiền là 138.288.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H đều thừa nhận còn nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M làm chủ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp nêu trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M yêu cầu vợ chồng ông H và bà T phải trả cho cửa hàng của ông số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 173.551.000 đồng; trong đó tiền gốc là 138.288.000 đồng, tiền lãi là 35.263.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được thỏa T với hình thức mua bán gối đầu, khi mua bán đều có lập sổ và ký nhận, đến ngày 13/01/2022 giữa các bên có kết nợ bằng văn bản, bên

bán là ông M đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông H và bà T đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Theo quy định tại các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015: *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa T giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông M yêu cầu ông H và bà T phải trả cho hộ kinh doanh của ông M số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc 138.288.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp là 138.288.000 đồng. Cụ thể số tiền 138.288.000 đồng được tính từ ngày 13/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy: giữa hai bên có kết nợ với nhau vào ngày 13/01/2022, tuy nhiên từ thời gian này cho đến nay phía ông H và bà T vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho phía cửa hàng của ông M. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông H đều thừa nhận có nợ số tiền gốc nêu trên và đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là 173.551.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay vì hoàn cảnh gia đình ông bà hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần, yêu cầu xin được trả dần số tiền này mỗi năm là 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ này.

Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn không đồng ý cho vợ chồng ông H và bà T được trả dần. Do đó HĐXX miễn xét.

Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên, trong quá trình nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn

M làm chủ số tiền mua bán vật tư nông nghệp còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 173.551.000 đồng; trong đó tiền gốc là 138.288.000 đồng, tiền lãi là 35.263.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm : Ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.677.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ.

1.1. Buộc ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải trả cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M làm đại diện số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 173.551.000 đồng (trong đó tiền gốc là 138.288.000 đồng, tiền lãi là 35.263.000 đồng).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.677.000 đồng.

Hoàn trả cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Văn M làm đại diện số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.881.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009829 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn A